

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày 19-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Lợi

Ông Bùi Văn Tiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Duy C1, sinh năm 1979 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Đình T và bà Hà Thị L (đã chết); có vợ là Vũ Thị Thu H, có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 05-01-2020 đến ngày 11-01-2020 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Đặng Văn C2, sinh năm 1972 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đặng Văn L và bà Trần Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 01-01-2020 đến ngày 10-01-2020 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Lê Trường T, sinh năm 1970 tại Thành phố Hà Nội; nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố T, quận H, Thành phố Hà Nội, chỗ ở hiện nay: Thị trấn C, huyện

C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Trường D và bà Tăng Thị Minh T (đều đã chết); chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2010 bị Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội ra Quyết định về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc (cai nghiện bắt buộc), năm 2012 bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị tạm giữ từ ngày 02-01-2020 đến ngày 08-01-2020 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người chứng kiến*: Ông Nguyễn Thanh T; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 31-12-2019, tại tổ dân phố 9, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, Công an huyện Cát Hải phát hiện, bắt quả tang C2 tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ trong túi quần đang mặc của C2 08 gói giấy bạc bên trong chứa chất bột màu trắng, số tiền 1.150.000 đồng và 01 điện thoại Nokia màu xanh màn hình đen trắng. C2 khai nhận 08 gói giấy bạc là ma túy loại Heroine do Lê Trường T đưa để bán, số tiền 1.150.000 đồng là tiền đã bán ma túy. Công an huyện Cát Hải lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ, niêm phong số ma túy để tiến hành giám định.

Kết luận giám định số 08/KLGD ngày 02-01-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chất bột màu trắng thu giữ của C2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,2 gam, là loại ma túy Heroine.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo C2 khai nhận đã bán ma túy nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Do quen biết từ trước với C1, trú tại thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải cho nên chiều ngày 24-12-2019, C2 gọi điện thoại từ số 0325303785 đến số máy 0942954588 của C1, hỏi mua ma túy để bán, cả hai hẹn gặp nhau tại khu vực trạm bơm nước (thôn 3) xã Xuân Đám, huyện Cát Hải để giao nhận ma túy. Khoảng 10 giờ ngày 25-12-2019, C1 đi xe máy Sirius BKS 34B2-79207 đến khu vực trạm bơm nước đưa cho C2 20 gói ma túy và nói với C2 “em để cho anh 80.000 đồng đến 100.000 đồng anh làm được bao nhiêu thì làm”. C2 mang số ma túy về nhà ở tổ dân phố 9, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải sử dụng hết 08 gói, số còn lại C2 bán cho những người không quen biết tại khu vực Cảng cá Cát Bà được 1.200.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 08 giờ ngày 28-12-2019, C2 gọi điện thoại cho C1 nói “anh hết hàng rồi”, C1 dặn C2 không được gọi điện thoại nữa, hết hàng thì liên lạc với Lê Trường T để lấy ma túy. Khoảng 09 giờ ngày 29-12-2019, C2 gọi điện cho Lê Trường T số điện thoại 0976852833 nói có ma túy để đưa cho C2 bán và cả hai

hẹn gặp nhau tại trục đường tổ dân phố 9 thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T gặp đưa cho C2 20 gói ma túy, C2 sử dụng hết 08 gói, số ma túy còn lại C2 bán tại khu vực Cảng cá Cát Bà cho những người không quen biết được 1.200.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng 09 giờ ngày 31-12-2019, C2 gọi điện thoại cho Lê Trường T nói hết ma túy, T hẹn C2 tại địa điểm đầu dốc ở tổ dân phố 9 thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải để giao ma túy. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T đưa cho C2 20 gói ma túy, C2 cất số ma túy vào túi quần đang mặc và đưa cho T 2.400.000 đồng, là tiền bán ma túy của ngày 25-12-2019 và ngày 29-12-2019 để T đưa cho C1. C2 mang số ma túy về nhà sử dụng hết 04 gói và bán cho Lê Sỹ T ở tổ dân phố 10, thị trấn Cát Bà 04 gói với giá 550.000 đồng, bán cho Đinh Khắc Đ ở tổ dân phố 11, thị trấn Cát Bà 02 gói với giá 300.000 đồng và bán cho một người đàn ông không quen biết 02 gói với giá 300.000 đồng, tổng số tiền là 1.150.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, C2 đang đứng ở tổ dân phố 9, thị trấn Cát Bà để bán ma túy, thì bị Công an huyện Cát Hải bắt quả tang và thu giữ số vật chứng nêu trên.

Ngày 02-01-2020, Lê Trường T đến Công an huyện Cát Hải đầu thú, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, T khai nhận hai lần nhận ma túy của C1 và giao cho C2 để bán:

Lần thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 29-12-2019 T đang ở thị trấn Cát Bà nhận được điện thoại của C2 (bạn quen nhau từ trước) hỏi có ma túy không để đưa C2 bán, ngay sau đó thì C1 gọi điện thoại từ số máy 0942554588 đến số máy 0976852833 của T và hẹn đến dốc Mốc trắng (thôn Ao Côi), xã Phù Long, huyện Cát Hải để lấy ma túy về bán. Khi T đến khu vực dốc Mốc trắng, C1 đưa cho T 24 gói ma túy. C1 bảo T bán từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng 01 gói, C1 cho T 04 gói để sử dụng. T cầm số ma túy nói trên, đi xe về khu vực dốc tổ dân phố 9, thị trấn Cát Bà đưa cho C2 20 gói ma túy để cho C2 để bán. Số ma túy còn lại T đã sử dụng hết.

Lần thứ hai: Khoảng 08 giờ ngày 31-12-2019, C1 gọi điện thoại cho T hẹn đến dốc Mốc trắng (thôn Ao Côi), xã Phù Long để lấy ma túy bán. Khi T đến dốc Mốc trắng, C1 đưa cho T 27 gói ma túy. T cầm toàn bộ số ma túy về tổ dân phố 9, thị trấn Cát Bà đưa cho C2 20 gói ma túy để bán. C2 đưa cho T 2.400.000 đồng tiền bán ma túy của ngày 25-12-2019 và 29-12-2019 để trả cho C1. Số ma túy còn lại T đã sử dụng hết. Ngày 01-01-2020, T đi về thị trấn Cát Hải đưa cho C1 số tiền 2.400.000 đồng số tiền mà C2 gửi thanh toán cho C1.

Đối với bị cáo C1, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã ba lần đưa ma túy cho C2 và Lê Trường T để bán, đó là các lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng trước ngày 25-12-2019, C1 vào khu vực cổng bệnh viện Việt-Tiếp, thành phố Hải Phòng, mua của một người phụ nữ không quen biết 1.000.000 đồng được 11 gói ma túy loại Heroine. Bị cáo đem về chia nhỏ ra 26 gói, 06 gói ma túy bị cáo cho những người nghiện không rõ lai lịch, địa chỉ ở thị trấn Cát Hải sử dụng. Ngày 24-12-2019, C2 gọi điện thoại cho C1 hỏi mua ma túy để bán. C1 đồng ý và hẹn gặp tại khu vực trạm bơm nước (thôn 3) xã Xuân Đám.

Đến khoảng 10 giờ ngày 25-12-2019, C1 đi xe máy Sirius BKS 34B2-79207 đến khu vực Trạm bơm, xã Xuân Đám đưa cho C2 20 gói ma túy và thỏa thuận bán cho C1 từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng một gói, còn C2 bán bao nhiêu tiền thì bán.

Lần thứ hai: Khoảng 08 giờ ngày 28-12-2019, C2 gọi điện thoại từ số máy 0325303785 đến số máy 0942954588 của C1 nói “anh hết hàng rồi”, C1 dặn C2 không được gọi điện thoại nữa hết hàng thì liên lạc với Lê Trường T để lấy ma túy bán. Sáng ngày 29-12-2019, C1 vào khu vực cổng bệnh viện Việt -Tiệp, thành phố Hải Phòng, mua của một người phụ nữ không quen biết 1.100.000 đồng được 01 gói ma túy Heroine. C1 mang về nhà ở thị trấn Cát Hải chia nhỏ ra được 51 gói. Khoảng 09 giờ cùng ngày, C1 gọi điện thoại cho Lê Trường T hẹn đến khu vực đốc Mốc trắng (thôn Ao Cối), xã Phù Long để lấy ma túy về bán. Khi gặp nhau, Cường đưa cho T 24 gói ma túy và nói cho T 04 gói để sử dụng, số ma túy còn lại bảo T bán từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng một gói.

Lần thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 31-12-2019, C1 gọi điện thoại cho Lê Trường T hẹn đến khu vực đốc Mốc trắng (thôn Ao Cối), xã Phù Long để lấy ma túy về bán. Khi gặp nhau, C1 đưa cho T 27 gói ma túy. Đến ngày 01-01-2020, Lê Trường T đưa cho C1 số tiền 2.400.000 đồng là tiền do C2 bán ma túy trả. Số tiền 2.400.000 đồng tiền bán ma túy C1 đã ăn tiêu hết.

Cơ quan điều tra thu giữ của C2 08 gói chất bột màu trắng, và 1.150.000 đồng.

Khám xét nơi ở của C2 thu giữ 01 điện thoại Nokia màu xanh màn hình đen trắng gắn sim 0366956141, 01 điện thoại Nokia màu đen màn hình đen trắng gắn sim 0325303785. Thu giữ của Lê Trường T thu giữ 01 xe máy Nouvo màu đen đỏ BKS 14B1-00837 và 01 điện thoại Vivo màu đen gắn sim 0976852833. Thu giữ của C1 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng; 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu ghi; 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu vàng; 01 xe máy Sirius màu đỏ đen BKS34B2-79207.

Kết quả thu giữ điện tín số 229 ngày 05-02-2020 của Tổng Công ty Hạ tầng mạng và kết quả thu giữ điện tín số 493 ngày 14-02-2020 của Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông quân đội xác nhận có cuộc gọi đi, gọi đến giữa các số thuê bao vào ngày 25-12-2019, 29-12-2019, 31- 12- 2019 của số thuê bao 0942954588 của C1; số thuê bao 0325303785 của C2 và số thuê bao 0976852833 của Lê Trường T.

Đối với xe máy Sirius màu đỏ đen BKS34B2-79207 là phương tiện của C1 sử dụng vào mục đích phạm tội, do bị tẩy xóa số khung, số máy nên chưa xác minh được nguồn gốc, chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh để xử lý sau.

Đối với 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng và điện thoại Iphone 8 Plus màu vàng tạm giữ của C1, qua xác minh sở hữu của chị Bùi Thị Ngọc M, xét thấy điện thoại không liên quan đến việc phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với điện thoại có số sim 0942954588 C1 đã làm mất và số tiền 2.400.000 đồng là tiền thu lợi bất chính C1 đã ăn tiêu hết, nên không thu hồi được.

Từ những hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 12-5-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

C2 bị bắt tạm giữ từ ngày 01-01-2020, Lê Trường T bị tạm giữ từ ngày 02-01-2020, C1 bị tạm giữ từ ngày 05-01-2020 sau đó các bị cáo tiếp tục bị tạm giam.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho C1, những người mua ma túy của C2 và những người ở thị trấn Cát Hải được C1 cho ma túy để sử dụng. Do không rõ lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Đinh Khắc Đ là người mua ma túy của C2 để sử dụng, Đ đã dùng hết số ma túy mua được. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Đinh Khắc Đ trong một vụ án Tàng trữ trái phép chất ma túy khác.

Đối với người tên Lê Sỹ T ở tổ dân phố 10, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải là người mua ma túy của C2 hiện không rõ đi đâu, làm gì nên tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải giữ quyền công tố và tranh luận hành vi phạm tội của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng, nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2, 5 Điều 251, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo C1 từ 9 năm tù đến 10 năm tù; áp dụng điểm b khoản 2, 5 Điều 251, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo C2 từ 8 năm tù đến 9 năm tù, áp dụng điểm b khoản 2, 5 Điều 251, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Trường T từ 8 năm tù đến 9 năm tù. Xử phạt mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.150.000 đồng; 01 điện thoại Nokia màu đen màn hình đen trắng gắn sim 0325303785; 01 điện thoại Vivo màu đen gắn sim 0976852833; 01 xe máy Nouvo màu đen đỏ BKS 14B1-00837; truy thu số tiền 2.400.000 đồng sung quỹ Nhà nước của C1.

Đối với chiếc điện thoại Nokia màu xanh màn hình đen trắng có số sim 0366956141 thu giữ của C2 và điện thoại Iphone 6plus màu ghi giữ của C1 không dùng vào việc phạm tội cho nên trả lại cho các bị cáo, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo cho thi hành án.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đồng thời thừa nhận luận tội của Viện kiểm sát về tội danh cũng như mức hình phạt là đúng. Các bị cáo biết mình vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo điều kiện để bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình, với cộng đồng để làm lại cuộc

đòi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Các Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giữ, tạm giam đều căn cứ vào những quy định của Bộ luật Hình sự và của Bộ luật Tố tụng hình sự đồng thời được Viện Kiểm sát cùng cấp phê chuẩn. Các biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong tang vật, Quyết định trưng cầu giám định, Kết luận giám định đều được các Cơ quan tiến hành tố tụng tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc tổng đạt các giấy tờ tố tụng cho bị can, bị cáo, người làm chứng được đảm bảo, đúng thời gian, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, đảm bảo việc xét xử trang nghiêm, đảm bảo quyền cho những người được tham gia tố tụng tại phiên tòa.

[4] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

- Về chứng cứ:

[5] Bị cáo C2 khai: Đã 03 lần lấy ma túy của C1 và Lê Trường T để bán và sử dụng cụ thể: Ngày 25-12-2019 C2 mua của C1 20 gói ma túy tại khu vực trạm bơm nước (thôn 3) xã Xuân Đám với giá từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng. C2 đã sử dụng hết 08 gói còn bán 12 gói được 1.200.000 đồng. Ngày 29-12-2019, C2 mua của Lê Trường T 20 gói ma túy tại khu vực tổ dân phố 9, thị trấn Cát Bà, C2 sử dụng hết 08 gói, số còn lại bán được 1.200.000 đồng. Ngày 31-12-2019 C2 mua của Lê Trường T 20 gói ma túy ở tổ dân phố 9 thị trấn Cát Bà. C2 đưa cho T 2.400.000 đồng, là tiền mua ma túy của ngày 25-12-2019 và ngày 29-12-2019 để T thanh toán cho C1. C2 sử dụng hết 04 gói và bán cho Lê Sỹ T 04 gói với giá 550.000 đồng, bán cho Đinh Khắc Đ 02 gói với giá 300.000 đồng và bán cho một người đàn ông không quen biết 02 gói với giá 300.000 đồng, tổng số tiền là 1.150.000 đồng. Số ma túy còn lại Công an huyện Cát Hải đã thu giữ.

Bị cáo Lê Trường T khai 02 lần bán ma túy cho C2: Ngày 29-12-2019 T mua của C1 24 gói ma túy tại khu vực đóc Mốc trắng (thôn Ao Cối), xã Phù Long. Cường bảo T bán từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng 01 gói. Lê Trường T bán cho

C2 20 gói, số còn lại T đã sử dụng hết. Ngày 31-12-2019, Lê Trường T mua của C1 tại dốc Mốc trắng (thôn Ao Cối), xã Phù Long 27 gói ma túy. T bán cho C2 20 gói. C2 đưa cho T 2.400.000 đồng tiền bán ma túy của ngày 25-12-2019 và ngày 29-12-2019 để thanh toán cho C1. Số ma túy còn lại T để lại và sử dụng hết. Ngày 01-01-2020, T đi về thị trấn Cát Hải đưa cho C1 số tiền 2.400.000 đồng.

Bị cáo C1 khai 03 lần đưa ma túy cho C2 và Lê Trường T để bán: Ngày 25-12-2019, C1 bán cho C2 20 gói ma túy tại khu vực trạm bơm nước (thôn 3), xã Xuân Đám với giá từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng một gói. Ngày 29-12-2019, C1 bán cho Lê Trường T 24 gói ma túy với giá từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng tại khu dốc Mốc trắng (thôn Ao Cối), xã Phù Long. Ngày 31-12-2019, C1 bán cho Lê Trường T 27 gói ma túy tại khu vực dốc Trắng (thôn Ao Cối), xã Phù Long. Đến ngày 01-01-2020, Lê Trường T đưa cho C1 số tiền 2.400.000 đồng là tiền do C2 bán ma túy trả. Số tiền 2.400.000 đồng tiền bán ma túy C1 đã ăn tiêu hết.

[6] Kết luận giám định số 08/KLGĐ ngày 02-01-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chất bột màu trắng thu giữ của C2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,2 gam, là loại ma túy Heroine.

[7] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận những chứng cứ buộc tội, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, cũng như chấp nhận Quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 12-5-2020 truy tố các bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[8] Lời khai trên đây của các bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải đã truy tố, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với tang vật đã thu giữ, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- Về áp dụng pháp luật:

[9] Hành vi phạm tội của các bị cáo là Mua bán trái phép chất ma túy với mục đích bán cho người khác để lấy lãi. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, xâm phạm đến khách thể là chính sách quản lý độc quyền các chất ma túy, chất gây nghiện của Nhà nước. Hành vi phạm tội của bị cáo vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự, gây mất trật tự trị an, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị của địa phương. Các bị cáo đã nhiều lần bán ma túy cho người khác (02 lần trở lên). Như vậy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[10] Từ những phân tích trên đây có đủ cơ sở để kết luận: C1, C2 và Lê Trường T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật quy định: “1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...b) Phạm tội 02 lần trở lên;”

Như vậy Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải truy tố các bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng pháp luật.

[11]. Trong vụ án này có nhiều người cùng thực hiện hành vi phạm tội đây là vụ án có tính đồng phạm, mặc dù tính chất đồng phạm không phức tạp nhưng để có thể lượng hình chính xác đối với từng bị cáo thì Hội đồng xét xử cần phân tích tính chất, hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

[12]. Đối với bị cáo C1: Là người chủ mưu, người cung cấp ma túy cho các bị cáo C2 và Lê Trường T bán. Bị cáo là người chủ động cung cấp ma túy, hưởng lợi nhiều nhất từ việc bán ma túy của các bị cáo khác, do đó khi quyết định hình phạt bị cáo phải chịu hình phạt nặng hơn các bị cáo khác.

[13]. Đối với bị cáo C2: Bị cáo là người trực tiếp bán ma túy cho những người mua ma túy, bị cáo giữ vai trò thực hành tích cực trong thực hiện hành vi phạm tội của mình vì vậy vai trò của bị cáo chỉ sau bị cáo C1.

[14]. Đối với bị cáo Lê Trường T là người thực hiện hành vi giúp sức tích cực, là đầu mối trung chuyển ma túy giữa bị cáo C1 và bị cáo C2 do đó vai trò của bị cáo trong vụ án cũng chỉ sau bị cáo C1. Tuy nhiên xét nhân thân của bị cáo đã có 01 tiền sự về đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc và 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tuy đã được xóa án tích nhưng khi lượng hình cũng cần tham khảo tình tiết này.

[15] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng tránh nhiệm hình sự. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự, gây mất trật tự trị an, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị của địa phương. Hành vi đó gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền các chất ma túy, chất gây nghiện của Nhà nước. Hành vi đó không những xâm phạm đến nền an ninh Quốc gia mà còn góp phần “gieo rắc cái chết trắng” trong cộng đồng, làm ảnh hưởng xấu đến sự phát triển nhân cách con người. Chính hành vi phạm tội của bị cáo còn là nguyên nhân, là điều kiện làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Bản thân các bị cáo là người nghiện ma túy vì vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử để làm gương răn đe cho kẻ khác đồng thời xét xử các bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[16]. Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự (trừ bị cáo Lê Trường T có tiền án, tiền sự nhưng đã được xóa án tích), tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật

Hình sự (riêng với bị cáo Lê Trường T sau khi phạm tội đã ra đầu thú vì vậy bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự). Số lượng ma túy các bị cáo bán không nhiều phần lớn các bị cáo bán ma túy lấy lãi để sử dụng. Từ những phân tích trên đây, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo điều kiện cho các bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình với cộng đồng để làm lại cuộc đời.

[17]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội để thu lợi bất chính do đó căn cứ khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự cần áp dụng hình phạt bổ sung, hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[18]. Về vật chứng: Số ma túy mà Cơ quan giám định hoàn trả lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự cần tịch thu, tiêu hủy; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.150.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia màu đen màn hình đen trắng có số sim 0325303785; 01 điện thoại Vivo màu đen gắn sim 0976852833; 01 xe máy Nouvo BKS 14B1-00837.

Đối với chiếc điện thoại Nokia màu xanh màn hình đen trắng có số sim 0366956141 thu giữ của C2 và điện thoại Iphone 6plus màu ghi thu giữ của C1 do không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho thi hành án.

Đối với số tiền 2.400.000 đồng do phạm tội mà có tuy C1 đã ăn tiêu hết nhưng cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

[19] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự người bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, mức chịu án phí căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2, 5 Điều 251; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Duy C1 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 05-01-2020. Phạt bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Căn cứ vào điểm b khoản 2, 5 Điều 251; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn C2 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 01-01-2020. Phạt bị cáo 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Căn cứ vào điểm b khoản 2, 5 Điều 251; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1,

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Trường T 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 02-01-2020. Phạt bị cáo 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số ma túy mà Cơ quan Giám định hoàn lại; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.150.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia màu đen màn hình đen trắng có số sim 0325303785; 01 điện thoại Vivo màu đen gắn sim 0976852833; 01 xe máy Nouvo BKS 14B1-00837.

Trịnh Duy C1 phải nộp lại 2.400.000 (hai triệu, bốn trăm ngàn) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại 01 điện thoại Nokia màu xanh, màn hình đen trắng có số sim 0366956141 cho C2 và 01 điện thoại Iphone 6plus màu ghi cho C1; nhưng tạm giữ để đảm bảo cho thi hành án.

Toàn bộ số vật chứng hiện đang cất giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13-5-2020.

Về án phí hình: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Trại giam CA TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- PV 06 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Hải Phòng;
- Công an huyện Cát Hải;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hồng Biên

